

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4283/2024/DS-ST

Ngày: 11/9/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Vinh

2/ Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh P - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1536/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6692/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Trụ sở: Số B đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T

Địa chỉ liên lạc: Số B đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 1894/2023/UQ-TGD ngày 27/6/2023 của Công ty TNHH một thành viên Q và Khai thác tài sản Ngân hàng S và giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S)

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1966

Địa chỉ: Số I Đường B, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2023 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 27/10/2021, bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB Jspeedy Cre Classic, số thẻ 356480-2067 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng. Lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 15/11/2021 đến ngày 15/01/2022 với tổng số tiền là 52.822.252 đồng và chỉ thanh toán cho ngân hàng số tiền là 24.000.000 đồng (bao gồm cả vốn gốc, lãi, phí ...). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H không trả nợ. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/5/2022 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến thời điểm ngày 30/5/2023 thì bà H còn nợ số tiền gốc là 36.479.318 đồng, lãi quá hạn là 18.020.740 đồng.

Ngày 21/6/2023, bà H có thanh toán thêm cho ngân hàng 500.000 đồng và ngày 21/5/2024, bà H thanh toán thêm cho ngân hàng số tiền 500.000 đồng. Theo quy định khi khách hàng nợ quá hạn và thanh toán thì số tiền thanh toán sẽ được trừ vào nợ gốc nên số nợ gốc hiện nay của bà H là 35.479.318 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 11/9/2024 là 75.422.918 đồng, trong đó nợ gốc là 35.479.318 đồng và lãi quá hạn là 39.943.600 đồng. Bà H còn có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 12/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Số tiền Ngân hàng cho vay là chỉ cho cá nhân bà H vay nên nay ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà H trả nợ.

Ngày 07/8/2024, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định

hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tại đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng, bà H xác định nơi đăng ký thường trú: 92 Đường B, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: 1 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại Công an phường L thì bà H có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng nhà đã bán, không còn cư trú tại địa phương. Kết quả xác minh tại Công an phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà H không cư trú tại địa phương. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và sự lựa chọn của nguyên đơn chọn Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là cơ quan giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 27/10/2021 bà H đã ký giấy đề

ngiht cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng (bao gồm bản điều khoản và điều kiện cấp thẻ) và Ngân hàng đã cấp cho bà H thẻ tín dụng JCB Jspeedy Cre Classic, số thẻ 356480-2067 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất 2,6%/tháng.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.822.252 đồng. Số tiền còn nợ tính đến hết ngày 11/9/2024 là 75.422.918 đồng, trong đó nợ gốc là 35.479.318 đồng và lãi quá hạn là 39.943.600 đồng. Do bà H đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 11/9/2024 là 75.422.918 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.771.146 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến hết ngày 11/9/2024 của hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 27/10/2021, loại thẻ JCB Jspeedy Cre C, số thẻ 356480-2067 với số tiền nợ gốc là 35.479.318 (ba mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm mười tám) đồng và lãi quá hạn là 39.943.600 (ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm) đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị H phải trả là 75.422.918 (bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn chín trăm mười tám) đồng.

Kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị H còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký nêu trên.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 3.771.146 (ba triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn một trăm bốn mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.362.501 (một triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm lẻ một) đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0005770 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thủy